

Bản án số: 68/2022/DS-ST
Ngày 11-5 -2022
V/v tranh chấp hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Trường

Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 112/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2022 về việc “tranh chấp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2022/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị N, sinh năm 1974; cư trú tại: Ấp TT, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Bà Trương Thị D (Trương Thị C), sinh năm 1978; cư trú tại: Ấp TT, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Ông Trịnh Văn U (Trịnh Hoàng T); cư trú tại: Ấp TT, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Phạm Thị N trình bày: Ngày 25/01/2018 al, ông T, bà C có tham gia một chung hội trong dây hội 1.000.000đ, tháng khai một lần, gồm có 42 chung do bà làm chủ. Ông T, bà C đóng đến lần thứ 05 thì bỏ 430.000đ, hốt được 24.320.000đ (trừ còn 600.000đ). Sau khi hốt hội, ông T, bà C đóng được 03 kỳ hội chết thì ngưng đóng cho đến nay. Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi đã xét xử tại bản án số 49/2019/DS-ST ngày 27/5/2019 và bản án số 94/2020/DS-ST ngày 08/9/2020, buộc ông T, bà C trả tổng số tiền nợ hội 21.000.000đ tương đương 21 kỳ hội chết. Đến nay dây hội trên đã mãn, ông T, bà C còn nợ 13 kỳ hội chết tương đương số

tiền 13.000.000đ. Bà khởi kiện yêu cầu ông T, bà C trả số tiền nợ hui là 13.000.000đ.

Bà Trương Thị D trình bày: Bà thống nhất lời trình bày của bà N và thừa nhận còn nợ bà N 13 kỳ hui chết chưa đóng tương đương số tiền 13.000.000đ. Bà đồng ý trả cho bà N số tiền nợ trên.

Đối với ông Trịnh Văn U đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến giải trình liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trịnh Văn U (Trịnh Hoàng T) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông U là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: Theo lời trình bày của bà N, bà D và bản án số 94/2020/DS-ST ngày 08/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Ngày 25/01/2018 al, ông T, bà D có tham gia một chung hui trong dây hui 1.000.000đ, tháng khai một lần, gồm có 42 chung do bà N làm chủ, sau khi hốt hui bị đơn không đóng hui chết và còn nợ nguyên đơn 34 lần hui chết. Tại bản án số 49/2019/DS-ST ngày 27/5/2019 và bản án số 94/2020/DS-ST ngày 08/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi buộc bị đơn trả số tiền nợ 21.000.000đ tương đương 21 kỳ hui chết chưa đóng, như vậy bị đơn còn nợ lại 13 kỳ hui chết chưa đóng tương đương số tiền 13.000.000đ. Đối với ông U đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định ông U, bà D còn nợ bà N số tiền 13.000.000đ nên cần buộc ông U, bà D trả cho bà N số tiền nợ 13.000.000đ là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự: Bà N không phải chịu, đã nộp tạm ứng án phí được nhận lại. Ông U, bà D phải chịu $13.000.000đ \times 5\% = 650.000đ$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N.

1. Buộc ông Trịnh Văn U (Trịnh Hoàng T) và bà Trương Thị D (Trương Thị C) trả cho bà Phạm Thị N số tiền nợ 13.000.000đ (mười ba triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự: Bà Phạm Thị N không phải chịu, hoàn trả lại cho bà N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 325.000đ (ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012258 ngày 07/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi. Ông Trịnh Văn U và bà Trương Thị D phải chịu 650.000đ (sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Phạm Thị N và bà Trương Thị D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trịnh Văn U có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Trọng